

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 765/2026/DS-PT
Ngày 25-8-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Võ Thị Ngọc Hân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 604/2026/QĐPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 780/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1970. Số thẻ CCCD: 086170008466, ngày cấp 25/7/2024 nơi cấp Bộ Công an. Địa chỉ: Số A, tổ A, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kiều N, sinh năm 1975. Số thẻ CCCD: 086175002027, ngày cấp 16/11/2022 nơi cấp Cục cảnh sát QLHC về TTXH. Địa chỉ: Số B, khóm V, phường T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Hoàng T1 – Văn phòng Luật sư Trần Bá T2 – Đoàn Luật sư tỉnh V (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Kiều N – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Do có quen biết với bà Huỳnh Thị Kiều N nên bà P có cho bà N mượn số tiền 2.017.000.000 đồng theo giấy nợ ghi ngày 27/11/2023. Bà N là người ký tên và giao giấy nợ này cho bà P. Bà N hứa sau 03 tháng sẽ trả đủ số tiền này cho bà P nên bà P không tính lãi, đến hạn bà P yêu cầu bà N thanh toán nợ thì bà N nói công việc chưa giải quyết xong nên cho nợ thêm vài tháng, khi công việc giải quyết xong sẽ trả đủ tiền gốc và đóng lãi nên bà P đồng ý. Mặc dù bà P nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán số tiền trên nhưng bà N né tránh không thanh toán. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho bà P số tiền 2.017.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do, không ý kiến về thông báo về việc thụ lý vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2025/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 464, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P:

Buộc bà Huỳnh Thị Kiều N phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền 2.017.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026 bà Huỳnh Thị Kiều N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N trình bày: Giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại thủ tục hòa giải và niêm yết giấy triệu tập xét xử đối với bị đơn. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng thủ tục đảm bảo thì yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giấy nợ ngày

27/11/2023 là do con của bà N ghi trong sổ của bà N, chữ ký trong giấy nợ là của bà N nhưng những khoản nợ trong giấy nợ không phải bà N nợ bà P. Đây là những khoản tiền con của bà N ghi lại để theo dõi. Lý do bà P có tờ giấy này là do bà P thường xuyên ở nhà bà N và bà N bị mất quyển sổ này. Bà N không nợ bà P số tiền 2.017.000.000 đồng, mặt khác cùng ngày 27/11/2023 bà P còn viết biên nhận nợ bà P số tiền 6.627.000.000 đồng thì không thể nào bà N nợ bà P số tiền trên vì nếu có thì các bên phải khấu trừ, hơn nữa số tiền bà P nợ bà N nhiều hơn số tiền bà N ghi trong giấy nợ. Giấy nợ ngày 27/11/2023 cũng không thể hiện bà N nợ bà P, nếu có nợ phải viết biên nhận nợ, trong khi trong giấy nợ không ghi nợ ai, nợ bao nhiêu. Ngoài ra, các tài liệu chứng cứ mà bà N nộp tại Tòa án cấp phúc thẩm là chứng minh những khoản tiền ghi trong giấy nợ ngày 27/11/2023 bà N nợ người khác và cũng đã thanh toán xong.

Bà T là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Lê Thị P trình bày: Không đồng ý toàn bộ lời trình bày của bà N. Giấy nợ ngày 27/12/2023 là bà N nợ bà P, giấy nợ này ghi trong sổ nợ của bà P, không phải ghi sổ bà N như bà N trình bày. Các tài liệu chứng cứ mà bà N nộp tại Tòa cấp phúc thẩm, bà P không thừa nhận vì không liên quan đến khoản tiền nợ của bà N.

Luật sư Trần Hoàng T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N trình bày: Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm mời hòa giải lần thứ nhất vào ngày 26/01/2026, cùng ngày Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn chỉ được Tòa án triệu tập một lần thì đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng và ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn. Ngày 26/01/2026, Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng ngày 27/01/2026 nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án cấp sơ thẩm niêm yết thủ tục xét xử không đúng quy định pháp luật, ngày 27/01/2026 Tòa án niêm yết giấy triệu tập xét xử lần 1 đến ngày 11/02/2026 mở phiên tòa lần 1 là chỉ bắt đầu ngày thứ 15, như vậy về thời hạn tố tụng là chưa đúng. Mặt khác, Tòa án triệu tập xét xử cả hai lần đều niêm yết văn bản tố tụng với lý do bà N vắng mặt, trong khi gia đình bà N có 12-13 người đang sinh sống và kinh doanh tạp hóa nên lúc nào cũng có người ở nhà, nếu thời điểm tổng đạt bà N vắng mặt thì phải giao lại cho người thân của bà N để người thân giao lại cho bà N mới phù hợp quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Do Tòa án có vi phạm thủ tục tố tụng làm cho bà N không thực hiện được quyền và nghĩa vụ của bị đơn được phản tố yêu cầu khấu trừ số nợ bà P còn nợ bà N là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kiều N. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án sơ thẩm số: 75/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 -Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kiều N nộp trong hạn luật định, phù hợp quy định Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kiều N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 26/12/2026, Tòa án cấp sơ thẩm có Thông báo thụ lý vụ án (bút lục 17), cùng với việc giao Thông báo thụ lý vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm còn giao cho nguyên đơn và bị đơn Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải theo đó ấn định thời gian mở phiên hòa giải vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/01/2026 (bút lục 19). Tại phiên hòa giải ngày 26/01/2026 bị đơn vắng mặt, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Cùng ngày, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định số: 45/2026/QĐXXST-DS đưa vụ án ra xét xử (bút lục 27). Lẽ ra, tại phiên hòa giải lần 1 ngày 26/01/2026 bị đơn vắng mặt không có lý do thì Tòa án cấp sơ thẩm phải hoãn phiên hòa giải và thông báo thời gian mở phiên hòa giải lần thứ 2 nếu bị đơn vẫn vắng mặt thì mới tiến hành lập Biên bản không tiến hành hòa giải được và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ngay sau khi triệu tập hòa giải lần thứ nhất bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Mặt khác, ngày 26/01/2026 Tòa án cấp sơ thẩm có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ngày 27/01/2026 nguyên đơn mới có

đơn đề nghị không tiến hành hòa giải (bút lục 29).

[3] Về nội dung: Xét giấy nợ ngày 27/11/2023 do nguyên đơn cung cấp bị đơn không thừa nhận. Bà T là người đại diện của nguyên đơn cho rằng giấy nợ này ghi trong sổ nợ của nguyên đơn, còn bị đơn cho rằng giấy nợ ghi trong sổ của bị đơn để bị đơn theo dõi. Nội dung giấy nợ thể hiện nhiều khoản tiền, mỗi khoản tiền đều có ghi chú, số tiền trong giấy nợ cộng lại không đúng 2.017.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị đơn cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện cùng ngày 27/11/2023 giữa nguyên đơn và bị đơn còn xác lập một giao dịch khác nội dung nguyên đơn nợ bị đơn số tiền 6.627.000.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản tiền 100.000.000 đồng tiền thẻ P1 đã thanh toán chuyển khoản xong; số tiền 654.000.000đ đã chuyển khoản cho bà P trong số tiền 1.500.000.000 đồng chuộc thửa đất số 19 tại khóm V, Phường T; số tiền 360.000.000 đồng là tiền mua đất của ông Võ Văn C, bà N và ông C thỏa thuận để bà N đứng tên và thế chấp vay ngân hàng nhưng sau đó thửa đất tranh chấp với người thứ ba vì vậy bà N trả lại đất cho ông C thông qua hợp đồng với bà Trương Thị Dạ T3 ủy quyền cho nguyên đơn Lê Thị P nên không nợ tiền bà P; khoản tiền “480-400” là tiền bà N làm ăn với bà K và ông Hồ Nhật T4, ông T4 nhờ bà N cầm cố đất dùm bà K; về khoản tiền 638.000.000 đồng bà N mua đất của ông N, không nợ bà P. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P vắng mặt, bà T là người đại diện ủy quyền của bà P trình bày không có ý kiến về các tài liệu chứng cứ bị đơn cung cấp nên không thể đối chất làm rõ nội dung thanh toán trên.

[4] Căn cứ lời khai của các bên đương sự thể hiện khoản tiền nguyên đơn khởi kiện bị đơn gồm nhiều khoản nợ khác nhau, trong đó có nhiều khoản nợ liên quan đến chuyển nhượng đất, cầm cố đất, tiền lãi, tiền hui, tiền thẻ nhưng chưa được đối chất làm rõ từng khoản tiền để xác định khoản tiền nào đã thanh toán xong; khoản tiền nào được khấu trừ theo ghi chú tại giấy nợ; khoản tiền nào có thỏa thuận giao dịch liên quan với người khác. Giấy nợ ngày 27/11/2023 do nguyên đơn cung cấp có ghi: 100 (tiền thẻ P1), 100 (tiền hui), tại phiên tòa phúc thẩm bà T đại diện nguyên đơn cho rằng số nợ này bà N chưa thanh toán cho bà P, giấy chuyển khoản ngày 28/11/2023 là chuyển khoản số tiền nợ khác không liên quan; phía bà N cho rằng ngày 28/11/2023 bà N đã chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng để thanh toán số tiền trên cho bà P có ghi rõ nội dung chuyển khoản tiền nên không còn nợ hai khoản tiền này. Có nhiều mâu thuẫn giữa lời khai của các bên đương sự, cần phải đối chất làm rõ số tiền trong giấy nợ có khoản tiền nào đã thanh toán, khoản tiền nào chưa thanh toán; có hay không số nợ còn liên quan đến quyền lợi của người khác thể hiện qua các chứng từ

chuyển khoản giữa bà N, bà P, ông N, bà T3 để có cơ sở đưa đầy đủ người tham gia tố tụng và xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận hay không có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, cần làm rõ giấy nợ ngày 27/11/2023 có phải được lấy ra từ sổ nợ của nguyên đơn không, hay từ sổ nợ nào, giấy nợ còn liên quan đến những khoản nợ nào khác không, giấy nợ thể hiện “N còn nợ” là nợ ai và nếu giấy nợ ghi trong sổ nợ của nguyên đơn thì tờ giấy nợ ngày 27/11/2023 là khoản nợ gồm nhiều tờ và tờ giấy nợ này được lấy ra trong số các tờ giấy nợ hay chỉ gồm duy nhất tờ giấy nợ ghi ngày 27/11/2023; giấy nợ ngày 27/11/2023 do nguyên đơn cung cấp có liên quan giấy nợ ngày 27/11/2023 về số tiền 6.627.000.000 đồng do bị đơn cung cấp không; số tiền “480-400” ghi trong giấy nợ ngày 27/11/2023 do nguyên đơn cung cấp có cùng số tiền 480-400 ghi trong giấy nợ do bị đơn cung cấp không cũng cần thiết phải thu thập chứng cứ làm rõ.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được nên Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất hủy Bản án sơ thẩm số: 75/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 -Vĩnh Long. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long không phù hợp với nhận định trên nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] Quan điểm của Luật sư T1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N phù hợp với nhận định trên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2026/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kiều N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp ngày 06/4/2026 theo biên lai thu số 0006214 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TATC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Chánh án TAND TVL;
- Phòng GDKTNV&THA TAND TVL;
- TAND khu vực 1 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung